



IMPACT OF COLLABORATION BETWEEN DIFFERENT STAKEHOLDERS FOR RABIES CONTROL IN SOUTH VIETNAM

PRESENTER: TRUONG DINH BAO

Deputy head of Department. IDVPH, Faculty ASVM, NLU

dinhbao.truong@hcmuaf.edu.vn

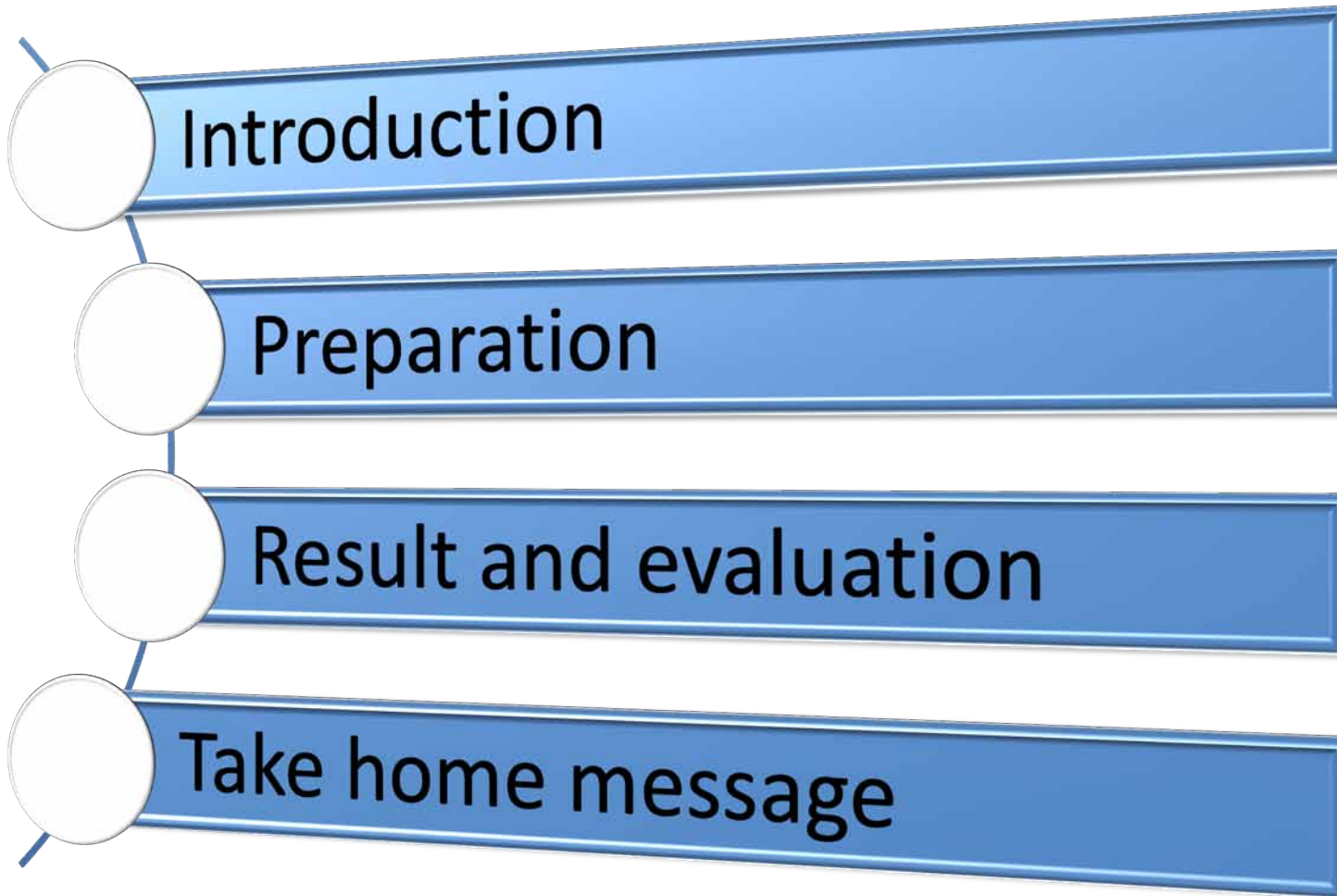
11TH GREASE SCIENTIFIC MEETING

UNIVERSITY GADJAH MADA – YOGYAKARTA – INDONESIA

21-22 AUGUST 2023



Outline



RABIES IN ANIMAL: COMPARISON BETWEEN 2022 AND 2023

Item	From 01/01 - 20/08/2022	From 01/01 - 20/08/2023	Change (%)
Number of province and city presented outbreak	18	29	61.11↑
Number of district presented outbreak	52	82	57.69↑
Number of communes presented outbreak	94	139	47.87↑
Number of outbreak	104	160	53.84↑
Number of villages presented outbreak	113	177	56.63↑
Number of household presented outbreak	115	192	66.95↑
Number of infected animals	118	239	102.54↑
Number of death, culling animal	135	328	142.96↑

INFECTED ANIMAL: DOG (98,3%) AND CAT (1,7%)

Source: VAHIS.VN

The needs from different stakeholders





CỘNG SẢN VIỆT NAM QUANG VINH MUÔN NĂM

ỨC HUYỆ





CHỨC VỤ VÀ TÊN Y TRAM THUY		CHỨC VỤ VÀ TÊN Y (nếu khác chức vụ của người tiếp đón)	
GIẤY CHỨNG NHẬN TIÊM PHÒNG BỆNH DẠI (tên latin)		GIẤY CHỨNG NHẬN TIÊM PHÒNG BỆNH DẠI (tên phồn thể hoặc chữ Hán)	
Số: _____ CNTP		Số: _____ CNTP	
Họ tên chủ nhà:		Chứng nhận gia súc của Ông/Bà:	
Địa chỉ:		Địa chỉ: _____ Xã (phường, thị trấn): _____ Huyện (quận): _____ Loại gia súc: ☐ Chó ☐ Mèo ☐ Gà ☐ Khác: _____ Tên con vật: _____ Trọng lượng: _____ Kg, Giới: _____ Màu lông: _____ ☐ Đực ☐ Cái Đã được tiêm vắc-xin phòng bệnh dại (Rabies) từ số _____ Lở mũi: _____ HSD: _____ Đã tiêm phòng: _____ ngày _____ tháng _____ năm 20____ Ngày tiêm chủng: _____ Người tiêm chủng: _____	
☐ Chó ☐ Mèo ☐ Gà ☐ Khác Tên con vật: _____ Màu lông: _____ ☐ Đực ☐ Cái Đã được tiêm vắc-xin phòng bệnh dại (Rabies) từ số _____ Lở mũi: _____ HSD: _____ Đã tiêm phòng: _____ ngày _____ tháng _____ năm 20____ Ngày tiêm chủng: _____ Người tiêm chủng: _____		Ngày tiêm chủng: _____ Người tiêm chủng: _____	
Họ và tên:		Họ và tên:	

BIỂU MẪU SỐ 2 ĐIỀU 10								
ĐANH SÁCH CÁC ẠP/KHU PHỐ SỬ DỤNG VẮC-XIN ĐẠI NẠM 2021 Loại vắc-xin: Rabisin								
STT	Tên Ấp/Khu phố	Tổng hộ sử dụng vắc-xin (hộ)	Tổng dân số, mèo, ... (con)	Tổng số con tiêm phòng (con)	Trong đó			Số hộ vắc-xin đúng (hộ)
					Chú (con)	Mèo (con)	DV khác (con)	
1	Ấp 1							
2	Ấp 2							
Tổng cộng								

UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN
(Ký tên và đóng dấu)

Ngày tháng năm 20
TRƯỞNG THỦ XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN

UBND HUYỆN THỊ XÃ/THÀNH PHỐ		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	
UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN		Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
		Hải dương 01	
DANH SÁCH TIÊM PHÒNG VẮC-XIN DẠI NĂM			
ẤP/KHU PHỐ:			

Stt	Ngày	Họ tên chủ hộ	Tổng dân chủ hộ, ... (con)	Trọng số			Số giấy chứng nhận tiêm phòng	Chủ hộ kí
				Tổng số con tiêm phòng (con)	Chú	Mợ		
1	1	2	3	4	5	6	7	8
2								
3								
4								
25								
TỔNG CỘNG								

UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN

(Kí tên và đóng dấu)

Ngày

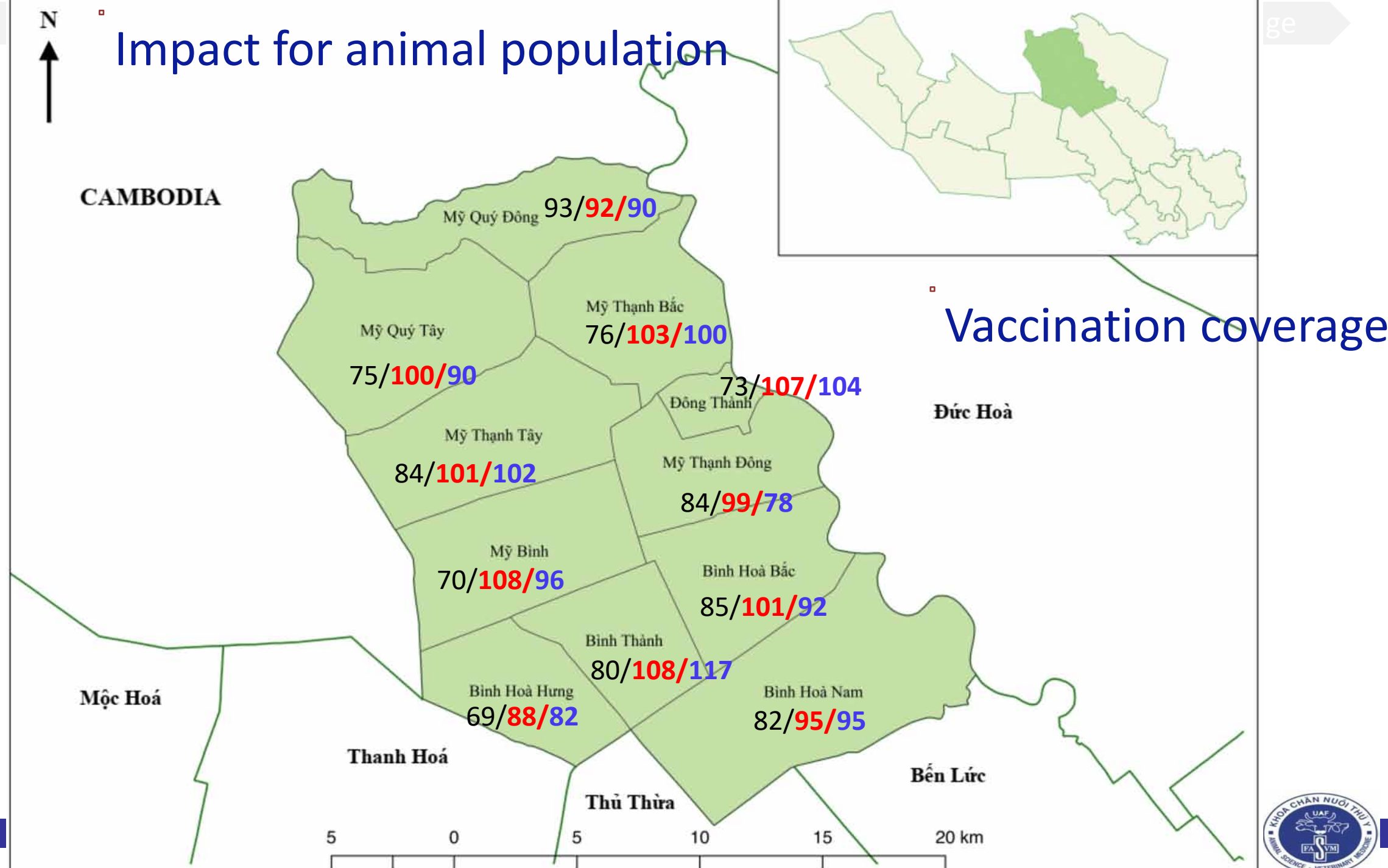
TRƯỞNG THỦ XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN



Impact for animal population

Legend
%2021
%2022
%2023

ge



Reason for not vaccination	2021 (n=1009)	2022 (n=1508)	2023 (n=2455)
All animal has been vaccinated	30.6	46.2	36,7
Free-ranging dog	37.1	31.8	14,8
Animal < 3 month age	9.4	7.4	0.0
Pregnant dog	8.2	5.0	0.0
Animal has been vaccinated (<3 months)	4.2	3.9	1,9
No vaccination and no reason	0	1.7	30,3
Nursing dog	1.4	1.3	0
More than 2 reason	6.3	1.0	3.7
Safe dog, no need for vaccination	1.0	0.7	0,2
Other reason (sickness, savage)	1.8	1.1	12.4

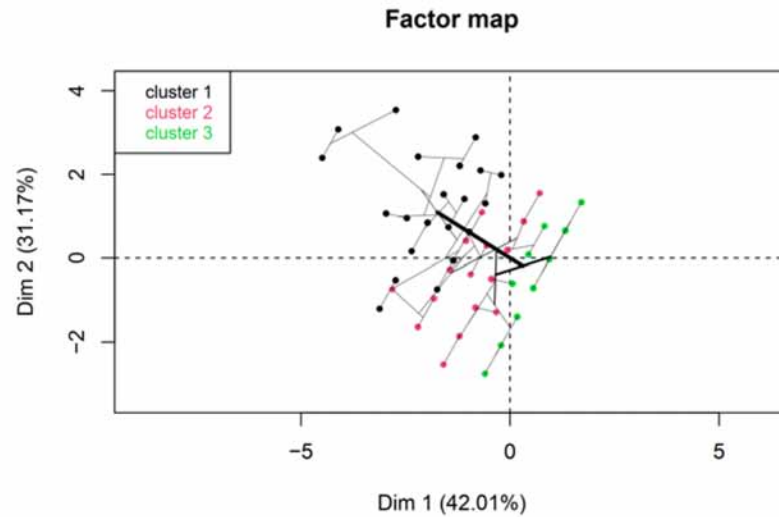
Impact for human population

Change in KAP

Score	2021 (n=314)	2022 (n=467)	2023 (n=1067)	Giá trị p
Knowledge	$3,92 \pm 0,29$	$3,95 \pm 0,22$	$3,93 \pm 0,33$	0,29
Attitude	$5,57 \pm 1,24^a$	$5,35 \pm 1,29^b$	$6,22 \pm 1,24^c$	<0,001
Practice	$4,46 \pm 0,65^a$	$4,24 \pm 0,90^b$	$4,15 \pm 1,05^{ab}$	0,001

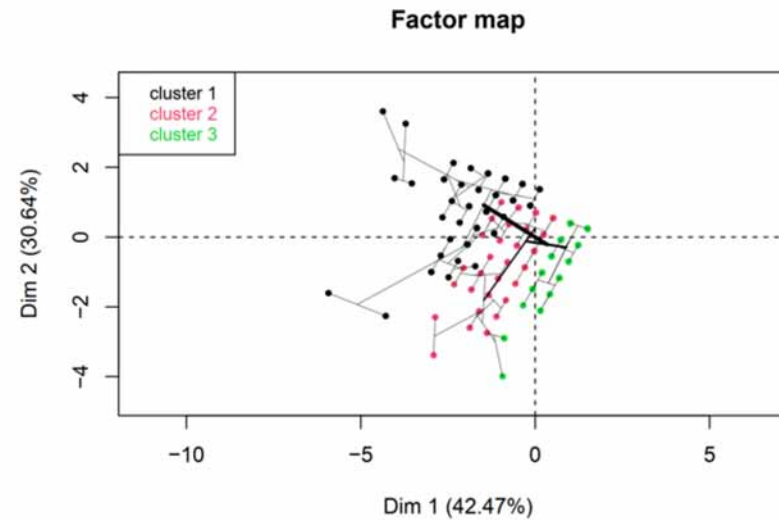


Where to focus in next step?



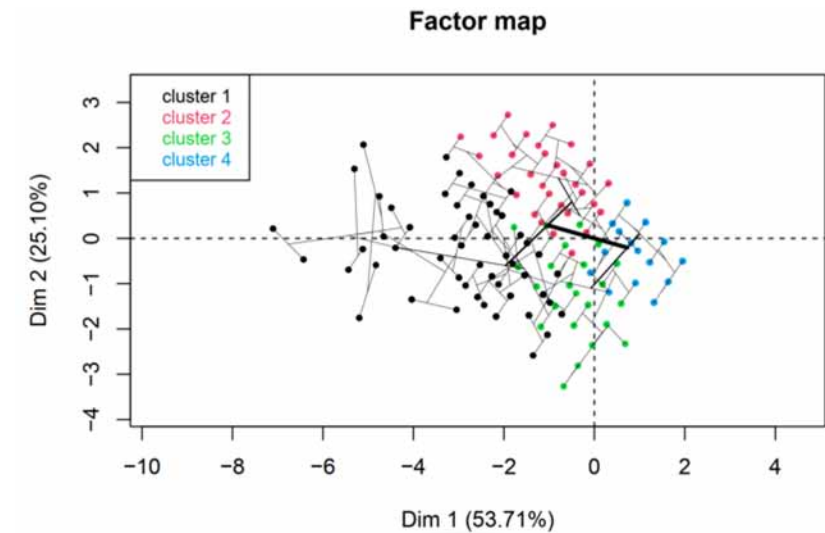
2021

Cluster 1: K&P: L; A:na
 Cluster 2: K&P: H; A: na
 Cluster 3: K&A&P: H
 Not influenced by any sup. variables



2022

Cluster 1: K&A: L; P:na
 Cluster 2: K:H; A:L; P:na
 Cluster 3: K&A:H;P:na
Influenced by communes & edu. level



2023

Legend: K knowledge, A attitude, P practice, L low, H high

Impact for human population

Explore knowledge, attitude, practice about rabies and raies control using Q methodology

Factor 2_Tan An

-3	-2	-1	0	1	2	3
3	5	2	1	21	6	13
28	8	4	7	24	10	29
30	9	12	11	26	15	39
42	27	14	18	34	17	46
	37	16	19	40	31	
	38	22	20	41	36	
		25	23	43		
		32	33	45		
			35			
			44			

Factor 1_Tan An

-3	-2	-1	0	1	2	3
8	12	3	1	24	10	6
22	27	4	2	26	15	13
28	30	5	11	29	17	31
42	37	7	19	35	21	46
	38	9	20	36	34	
	40	14	23	41	39	
		16	25	43		
		18	32	45		
			33			
			44			

Urban

Factor 3_Duc Hue

-3	-2	-1	0	1	2	3
8	2	4	1	5	6	13
27	3	7	9	11	10	26
28	14	19	15	16	12	35
42	22	23	18	20	17	40
	34	24	30	29	21	
	44	25	31	37	36	
		32	33	39		
		38	41	45		
			43			
			46			

Factor 1_Duc Hue

-3	-2	-1	0	1	2	3
8	3	2	4	1	6	13
9	16	5	11	21	10	29
28	22	7	14	24	15	31
42	27	12	19	26	17	46
	30	18	20	34	36	
	38	25	23	35	39	
		37	32	43		
		44	33	45		
			40			
			41			

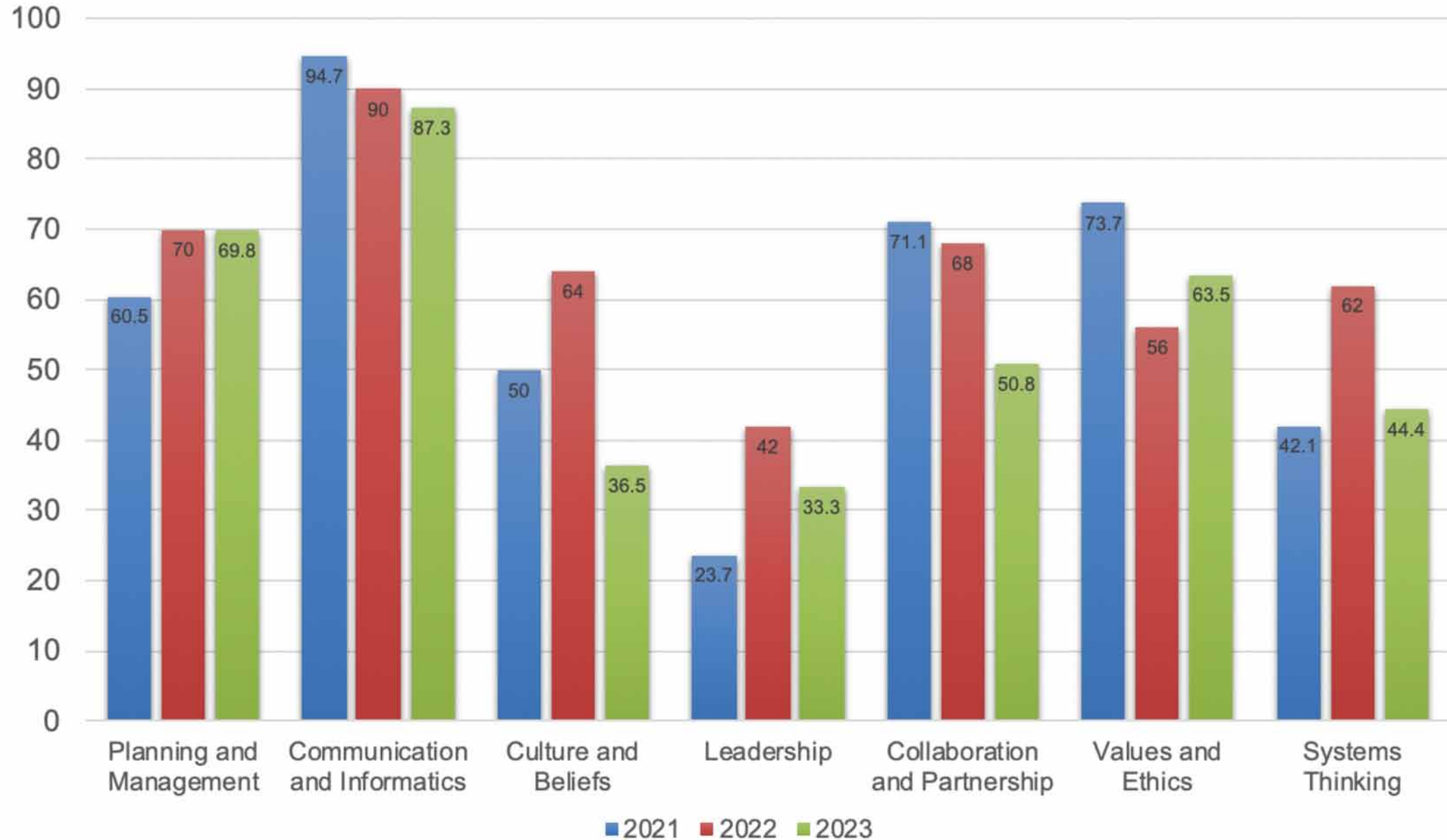
Factor 2_Duc Hue

-3	-2	-1	0	1	2	3
3	8	2	1	10	13	6
7	22	4	5	19	15	31
28	27	12	9	20	17	39
42	32	14	11	21	36	45
	33	16	18	26	43	
	40	23	24	34	46	
		30	25	35		
		38	29	41		
			37			
			44			

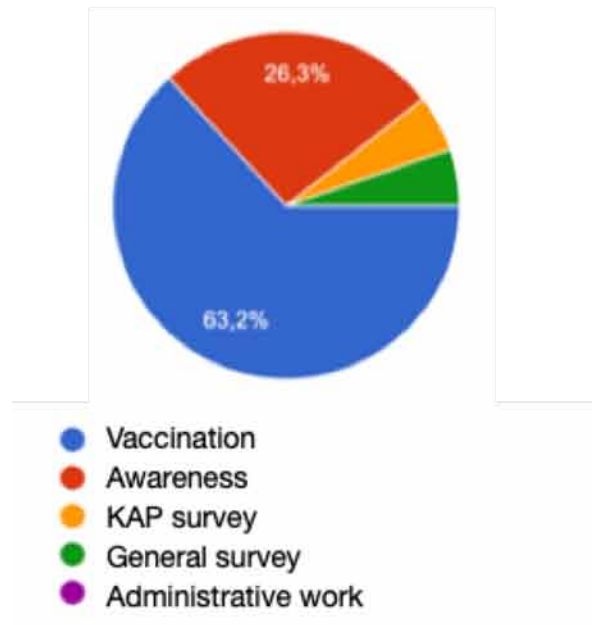
Countrysides



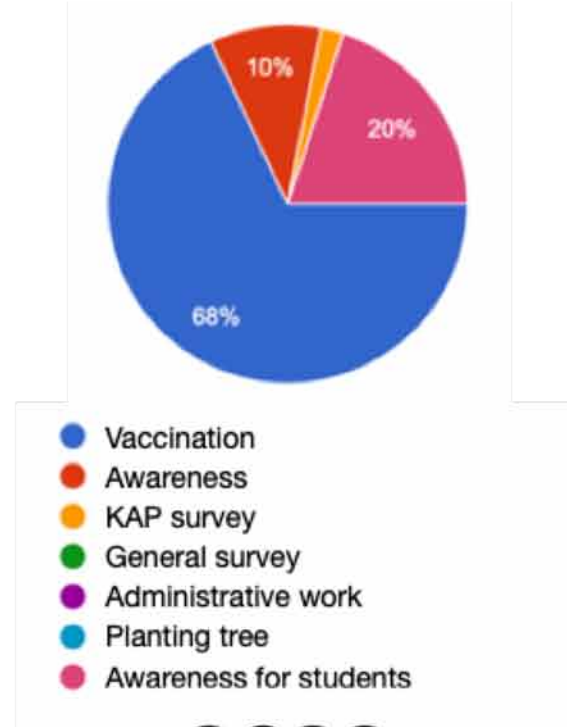
Development of One Health Competencies



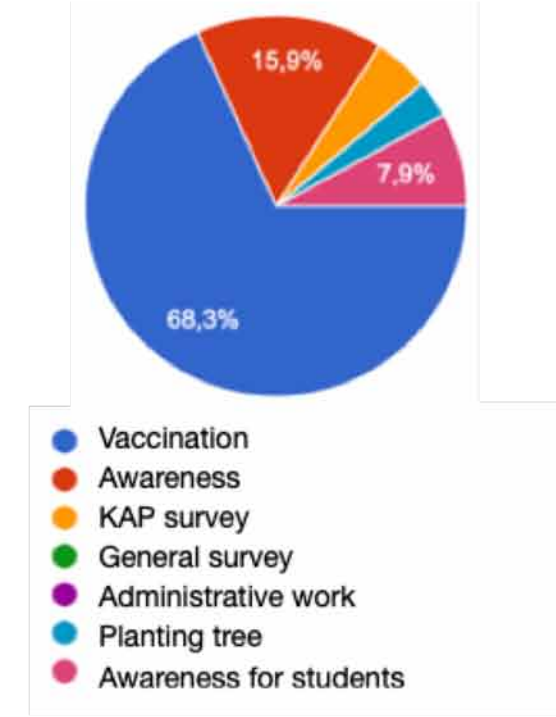
Impact for NLU



2021



2022



2023

Understanding the interesting activities for students

Soft skill working and organizing activities in the field

Understanding local constraints and meaning of community services (young staffs)

1. Support for the district to maintain high vaccination coverage in animal population (2021-now) => decrease the risk of rabies in the human population
2. Support for students to practice in the field and enhance their soft skills working with the community
3. Maintain good collaboration between a private company, funder, university, local authorities, and community...
4. Understand the gaps for further investigation



